TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:18/2018/HNGĐ-ST Ngày: 21-03-2018 V/v "Ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hòa,

Ông Nguyễn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H - Sinh năm: 1996, "có mặt"

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh L - Sinh năm: 1990, "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn T 1, xã L, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 01/9/2017, bản tự khai ngày 13/11/2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông L chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 25/5/2017. Sau khi sinh con chung, bà H về nhà mẹ tại xã S để ở cho đến nay. Do ông L thường uống rượu, ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con nên vợ

chồng thường kình cãi, mâu thuẫn ngày càng lớn và không thể khắc phục được, hai bên không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung là Huỳnh Nhật P (sinh ngày 31/5/2017). Bà yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông L.

Tòa án xác minh và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Huỳnh L nhưng ông L không đến Tòa để Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Huỳnh L vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Huỳnh L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H xác định hai bên chung sống không hạnh phúc, không khắc phục được mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông L không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H được ly hôn với ông Huỳnh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Bà H đang nuôi con chung dưới 36 tháng tuổi, ông L không đến Tòa để trình bày ý kiến về nuôi con chung nên cần giao Huỳnh Nhật P cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp.

Cha và mẹ đều có trách nhiệm nuôi con chung, Tòa án đã giao con chung cho bà H nuôi nên ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên của bà H là phù hợp nên cần buộc ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 4/2018 cho đến khi Huỳnh Nhật P đủ 18 tuổi. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Huỳnh L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H được ly hôn ông Huỳnh L.

2. Về con chung:

- Giao con chung Huỳnh Nhật P (sinh ngày 31/5/2017) cho bà Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Huỳnh L cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng: Từ tháng 4/2018 cho đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

- Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Trần Thị H, ông Huỳnh L đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, theo biên lai số AA/2016/0018415, ngày 31/10/2017. Do đó, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Huỳnh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã L
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tín

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D <u>TỈNH KHÁNH HÒA</u>**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện D

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hòa,
2. Ông Nguyễn Thành.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H - Sinh năm: 1996,

Địa chỉ: Thôn Phú Hậu, xã Suối Hiệp, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh L - Sinh năm: 1990,

Địa chỉ: Thôn Thanh Minh 1, xã Diên Lạc, huyện D, Khánh Hòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU)

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa): Bị đơn ông Huỳnh L vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017.

Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa: 14 giờ 00 ngày 21/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D.

- Hội thẩm nhân dân 2(ông Thành):Thống nhất với ý kiến Hội thẩm nhân dân 1.
- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện D

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hòa,
2. Ông Nguyễn Thành.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H - Sinh năm: 1996,

Địa chỉ: Thôn Phú Hậu, xã Suối Hiệp, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh L - Sinh năm: 1990,

Địa chỉ: Thôn Thanh Minh 1, xã Diên Lạc, huyện D, Khánh Hòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU)

Về thủ tục tố tụng:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Huỳnh L vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Thành): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Điều luật áp dụng:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Thành): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về yêu cầu khởi kiện:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H được ly hôn ông Huỳnh L

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Thành): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Giao con chung Huỳnh Nhật Phong (sinh ngày 31/5/2017) cho bà Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Huỳnh L cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng: Từ tháng 4/2018 cho đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Trần Thị Hông, ông Huỳnh L đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Thành): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về sản chung, nợ chung:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa): Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Thành): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về án phí:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, theo biên lai số AA/2016/0018415, ngày 31/10/2017. Do đó, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Huỳnh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Thành): Thống nhất với ý kiến của HTND1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hòa):

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Thành):Thống nhất với ý kiến Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 45 phút, ngày 21 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 45 phút, ngày 21 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHIẾU ĐỀ XUẤT HƯỚNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Vụ án thụ lý số: 409/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017

Xử sáng 21/03/2017.

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1996
Địa chỉ: thôn Phú Hậu, xã Suối Hiệp, huyện D, tỉnh Khánh Hoà.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh L**, sinh năm 1990
Địa chỉ: thôn Thanh Minh 1, xã Diên Lạc, huyện D, tỉnh Khánh Hoà..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà H và ông L chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Lạc vào ngày 25/5/2017.

Do ông L thường uống rượu, ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2017 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung, bà và ông L có 01 con chung là Huỳnh Nhật Phong *(sinh ngày 31/5/2017)*. Bà yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn ông ông ông Huỳnh L vắng mặt

Hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng.

Không xem xét tài sản chung và nợ chung

Ý kiến của Lãnh đạo **Thẩm phán**

Huỳnh Thị Tín

PHIẾU ĐỀ XUẤT HƯỚNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Vụ án thụ lý số: 435/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2017
Xử chiều 21/03/2017.

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Em**, sinh năm 1963
Địa chỉ: Phú Lộc Đông 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hoà.

- Bị đơn: Ông **Lưu Bông**, sinh năm 1956
Địa chỉ: 77 Lạc Long Quân, thị trấn Diên Khánh, huyện D, tỉnh Khánh Hoà..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Em trình bày: Bà Em và ông Bông chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Toàn vào ngày 15/4/1981.

THời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau do không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Bông đánh đập bà, thiếu trách nhiệm với gia đình, không còn chung sống với nhau từ tháng năm 2013 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Bông nên yêu cầu được ly hôn với ông Bông.

Về con chung, bà và ông Bông có 05 con chung lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990, đều trưởng thành, khỏe mạnh, không yêu cầu gì về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn ông Lưu Bông vắng mặt

Hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Không xem xét về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung

Ý kiến của Lãnh đạo **Thẩm phán**

Huỳnh Thị Tín

TAND HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

PHIẾU ĐỀ XUẤT HƯỚNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Vụ án thụ lý số: 409/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017
Xử sáng 21/03/2017.

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1996
Địa chỉ: tổ 5, thôn Phú Hậu, xã Suối Hiệp, huyện D, tỉnh Khánh Hoà.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh L**, sinh năm 1990
Địa chỉ: thôn Thuỷ Xương, xã Suối Hiệp, huyện D, tỉnh Khánh Hoà..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Trương Văn Cư trình bày: Năm 1984, tôi và bà Nguyễn Thị Kề yêu thương nhau, về sống chung trước sự chứng kiến của gia đình hai bên. Năm 1985, chúng tôi có viết giấy khai đăng ký kết hôn để xác nhận tình trạng hôn nhân nhưng từ đó đến nay chúng tôi không đi đăng ký kết hôn.

Đến năm 2016, chúng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà Kề có nhận nuôi một người con trai ngoài xã hội, thường xuyên sử dụng tiền chung của hai vợ cH để lo cho người con riêng này mà không hỏi ý kiến tôi; hai vợ cH không có sự tin tưởng nhau trong vấn đề tình cảm, tiền bạc. Vợ cH không tìm được tiếng nói chung dẫn đến không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Tôi và bà Kề sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, không liên lạc và cũng không quan tâm đến cuộc sống của đối phương. Nay, tôi xác định không còn tình cảm với bà Kề nên yêu cầu được ly hôn với bà Kề.

Về con chung, tôi và bà Kề có 03 con chung là Trương Nữ Thị Cẩm Loan *(sinh năm 1985)*, Trương Thị Mỹ Lệ *(sinh năm 1991)*, Trương Anh Tài *(sinh năm 1987)*. Các con chung đều trưởng thành, khoẻ mạnh nên tôi không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, tôi xác định tôi và bà Kề không có nợ chung.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kề trình bày: Năm 1984, tôi và ông Trương Văn Cư yêu thương nhau, về sống chung trước sự chứng kiến của gia đình hai bên. Năm 1985, chúng tôi có viết giấy khai đăng ký kết hôn để xác nhận tình trạng hôn nhân nhưng từ đó đến nay chúng tôi không đi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu, tôi và ông Cư chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, chúng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Cư mê bài bạc, gây nợ, tôi phải trả nợ thay cho ông Cư và hai vợ cH không có sự tin tưởng nhau trong vấn đề tình cảm, tiền bạc. Khi vợ cH xảy ra cải vã, ông Cư doạ đánh tôi, dùng những lời lẽ không hay xúc phạm tôi, dẫn đến không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Đầu năm 2016, tôi và ông Cư không còn chung sống với nhau, không liên lạc

và cũng không quan tâm đến cuộc sống của đối phương. Nay, tôi nhận thấy tình cảm vợ cH đã rạn nứt không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Cư.

Về con chung, tôi và ông Cư có 03 con chung là Trương Nữ Thị Cẩm Loan *(sinh năm 1985)*, Trương Thị Mỹ Lệ *(sinh năm 1991)*, Trương Anh Tài *(sinh năm 1987)*. Các con chung đều trưởng thành, khoẻ mạnh nên tôi không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, tôi xác định tôi và ông Cư không có nợ chung.

<u>Hướng đề xuất giải quyết vụ án</u>:

Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử không công nhận quan hệ vợ cH, (không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và cH).

Ý kiến của Lãnh đạo **Thẩm phán**

Huỳnh Thị Tín